

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Hồ Văn	Thi	3671050036	29/01/1993	5,00	2,30	3,10	
2	Võ Trung	Nhân	3671050044	12/09/1994	4,00	3,80	3,90	
3	Bùi Minh	Tài	3671050077	16/04/1994	5,50	4,30	4,70	
4	Bùi Minh	Thành	3671050169	12/06/1992	3,50	1,00	1,80	
5	Lương Thế	Anh	3671050292	06/01/1991	8,00	4,80	5,80	
6	Hoàng Cảnh	Đạo	3671050316	18/04/1992	4,50	1,00	2,10	
7	Trương Công	Kha	3671050503	16/06/1993	5,50	6,80	6,40	
8	Cao Quang	Sinh	3671050513	21/07/1992	3,50	2,50	2,80	
9	Châu Ngọc	Anh	3671050588	20/03/1994	4,50	,00	1,40	
10	Trần Ngọc	Thôi	3671050668	14/04/1993	1,00	,00	,30	CT
11	Lô Quang	Vương	3671050692	06/10/1994	6,00	5,00	5,30	
12	Đỗ Hữu	Phước	3671050720	02/08/1994	2,50	,80	1,30	
13	Nguyễn Văn	Quý	3671050731	12/04/1992	6,50	4,00	4,80	
14	Trần Minh	Long	3671050747	12/09/1994	2,50	,00	,80	
15	Trương Nhật	Nam	3671050826	15/04/1994	3,50	,00	1,10	
16	Nguyễn Văn	Nghĩa	3671050841	16/03/1994	4,00	,00	1,20	
17	Đỗ Ngọc	Hùng	3671051153	24/05/1993	3,50	1,30	2,00	
18	Nguyễn Hoàng Vũ	Lâm	3671051272	08/12/1994	5,50	2,80	3,60	
19	Nguyễn Văn	Lực	3671051297	08/06/1994	4,50	2,80	3,30	
20	Nguyễn Thị	Huệ	3671051524	06/05/1994	,00	,00	,00	CT
21	Huỳnh Tấn	Duy	3671051618	00/00/1993	4,50	1,30	2,30	
22	Võ Trung	Trực	3671051633	25/01/1994	4,00	2,50	3,00	
23	Nguyễn Minh	Đoàn	3671051644	16/09/1993	6,00	4,30	4,80	
24	Lê Tấn	Phát	3671051671	10/01/1993	,00	,00	,00	CT
25	Lê Hoàng	Sang	3671051675	11/05/1994	3,00	,00	,90	CT
26	Nguyễn Thanh	Hải	3671051678	24/08/1994	3,00	1,50	2,00	
27	Nguyễn Văn	Phê	3671051682	24/06/1992	3,00	1,00	1,60	
28	Lê Vũ Khôi	Dương	3671051832	20/10/1994	3,00	1,00	1,60	
29	Huỳnh Tấn	Đạt	3671051848	11/10/1994	6,00	3,80	4,50	
30	Lê Tấn	Sang	3671051877	27/08/1994	5,00	,00	1,50	CT
31	Đỗ Đình	Khôi	3671051879	21/01/1994	4,50	3,80	4,00	
32	Bùi Anh	Khoa	3671051881	25/06/1993	5,50	4,50	4,80	
33	Đình Quang Nguyên	Khôi	3671051908	04/09/1994	5,00	,00	1,50	
34	Huỳnh Công	Toại	3671051910	11/06/1994	5,00	4,50	4,70	
35	Phan	Thế	3671051914	18/03/1994	4,50	5,30	5,10	

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0)
Năm học : 2012-2013
Lần thi : 2
Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Lê Danh	Hiền	3671051918	22/10/1994	3,50	1,00	1,80	
37	Võ Trang Anh	Tuấn	3671051920	29/04/1994	1,50	,00	,50	CT
38	Nguyễn Hồng	Phát	3671051933	05/10/1992	6,50	4,80	5,30	
39	Trần Nhật	Tuấn	3671051938	04/12/1993	5,50	,00	1,70	
40	Võ Văn	Thắng	3671051960	20/11/1993	4,50	1,80	2,60	
41	Nguyễn Thành	Tâm	3671051972	29/05/1994	2,50	5,00	4,30	
42	Hồ Thị Biên	Thùy	3671051975	29/09/1994	5,50	2,00	3,10	
43	Nguyễn Trường	Giang	3671051980	10/04/1994	1,50	,00	,50	CT
44	Trần Huỳnh Quang	Phúc	3671051995	01/03/1993	5,50	1,00	2,40	
45	Võ Hồng	Nguyên	3671052006	02/09/1994	3,00	3,50	3,40	
46	Nguyễn Trọng	Khanh	3671052016	28/01/1993	5,50	2,50	3,40	
47	Đổng Đại	Tân	3671052017	17/07/1991	4,00	,00	1,20	
48	Trần Minh	Hải	3671052024	13/07/1993	,00	,00	,00	CT
49	Trần	Lực	3671052039	12/04/1994	3,50	,80	1,60	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)